

8. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Thời gian	Ghi chú	Hình thức Thi kết thúc môn học
Học kỳ 1			19				
Học phần bắt buộc			19				
1	LLCT001	NNLCB của CNMLN 1	2(2,0,4)		15 tuần		
2	KHCB001	Toán cao cấp 1	3(3,0,6)		15 tuần		
3	KHCB003	Vật lý đại cương 1	3(3,0,6)		15 tuần		
4	KHCB004	Hóa học đại cương 1	2(2,0,4)		15 tuần		
5	KHCB005	Anh văn 1	3(3,0,6)		15 tuần		
6	CK115	Hình họa – Vẽ kỹ thuật	3(3,0,6)		15 tuần		
7	DLUC201	Nhập môn ngành công nghệ ô tô	2(2,0,4)		15 tuần		Tiểu luận
8	DLUC210	Thực tập Kỹ thuật lái xe	1(0,1,1)		10 tuần		
9	KHCB012	Giáo dục thể chất	1				
Học kỳ 2			21				
Học phần bắt buộc			15				

TT	Mã Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Thời gian	Ghi chú	Hình thức Thi kết thúc môn học
1	LLCT002	NNLCB của CNMLN 2	3(3,0,6)		15 tuần		
2	KHCB002	Toán cao cấp 2	2(2,0,4)	KHCB001(a)	15 tuần		
3	KHCB006	Anh văn 2	2(2,0,4)	KHCB005(a)	15 tuần		
4	CNTT002	Nhập môn tin học	3(2,1,5)		15 tuần		
5	LLCT005	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)		15 tuần		
6	CK103	Dung sai – Kỹ thuật đo	2(2,0,4)	CK115(a)	15 tuần		
7	KHCB012	Giáo dục thể chất	1		15 tuần		
Học phần tự chọn (chọn 2 trong 3 học phần)			4				
8	KHCB007	Xác suất thống kê	2(2,0,4)		15 tuần		
9	KHCB008	Vật lý đại cương 2	2(2,0,4)	KHCB003(a)	15 tuần		
10	KHCB009	Hóa học đại cương 2	2(2,0,4)	KHCB004 (a)	15 tuần		
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)			2				
11	KHCB010	Kỹ năng giao tiếp	2(2,0,4)		15 tuần		

TT	Mã Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Thời gian	Ghi chú	Hình thức Thi kết thúc môn học
12	KHCB011	Môi trường và con người	2(2,0,4)		15 tuần		
Học kỳ 3			22				
Học phần bắt buộc			22				
1	LLCT003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	LLCT002 (a)	15 tuần		
2	CK104	Vật liệu học	2(2,0,4)		15 tuần		
3	CK113	Công nghệ kim loại	2(2,0,4)		15 tuần		
4	CK112	Cơ lý thuyết	2(2,0,4)	KHCB003(a)	15 tuần		
5	CK114	Sức bền vật liệu	2(2,0,4)	CK112(a)	15 tuần		
6	DLUC102	Kỹ thuật điện - điện tử	2(2,0,4)		15 tuần		Giam 1
7	DLUC103	An toàn và môi trường công nghiệp	2(2,0,4)		15 tuần		
8	DLUC202	Động cơ đốt trong	2(2,0,4)		15 tuần		Giam 1
9	CK223	Thực tập Nguội – hàn cơ bản	2(0,2,2)	DLUC103(a)	10 tuần		
10	KHCB404	Anh văn chuyên ngành CNKT ô tô	2(2,0,4)	KHCB006(a)	15 tuần		

TT	Mã Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Thời gian	Ghi chú	Hình thức Thi kết thúc môn học
11	CK224	Hàn hồ quang tay	2(0,2,2)	CK223(c)	10 tuần		
	Học kỳ 4		17				
	Học phần bắt buộc		17				
1	LLCT004	Đường lối CM của Đảng CSVN	3(3,0,6)	LLCT003 (a)	15 tuần		
2	DLUC001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2(2,0,4)		15 tuần		Tiểu luận
3	CK111	Nguyên lý chi tiết máy	2(2,0,4)	CK114(a)	15 tuần		Giam 1
4	DLUC101	Thủy lực và máy thủy lực	2(2,0,4)		15 tuần		
5	CK108	Autocad (2D)	2(2,0,4)	CK103(a)	15 tuần		
6	DLUC204	Hệ thống điện và điện tử ô tô	2(2,0,4)	DLUC102(a)	15 tuần		Giam 1
7	DLUC205	Thực tập Động cơ 1	2(0,2,2)		15 tuần		
8	CK225	Hàn MIG/MAG cơ bản	2(0,2,2)	CK224(a)	10 tuần		
9	ANQP001	Giáo dục quốc phòng – An ninh	8		3 tuần		

TT	Mã Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Thời gian	Ghi chú	Hình thức Thi kết thúc môn học
	Học kỳ 5		12				
	Học phần bắt buộc		10				
1	DLUC203	Ôtô	2(2,0,4)	DLUC101(a)	15 tuần		
2	DLUC206	Kỹ thuật làm nền và và tạo mặt phẳng trước khi sơn	2(0,2,2)		15 tuần		
3	DLUC207	Kỹ thuật pha sơn và chỉnh màu	2(0,2,2)		15 tuần		
4	DLUC209	Thực tập Điện ô tô 1	2(0,2,2)		15 tuần		
5	CK226	Kỹ thuật gỗ	2(0,2,2)		10 tuần		
	Học phần tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)		2				
6	DLUC212	Công nghệ bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	2(0,2,2)		15 tuần		
7	DLUC213	Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường	2(0,2,2)		15 tuần		
8	DLUC214	Quản lý dịch vụ ô tô	2(0,2,2)		15 tuần		
9	DLUC215	Kiểm định và chẩn đoán kỹ thuật ô tô	2(0,2,2)		15 tuần		

TT	Mã Học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần học trước (a), tiên quyết (b) song hành (c)	Thời gian	Ghi chú	Hình thức Thi kết thúc môn học
	Học kỳ 6		15				
	Học phần bắt buộc		15				
1	DLUC208	Thực tập Ôtô	2(0,2,2)		15 tuần		
2	CK227	Hàn tiếp xúc (hàn điện trở)	2(0,2,2)		15 tuần		
3	DLUC209	Kỹ thuật phun sơn	2(0,2,2)		15 tuần		
4	DLUC501	Thực tập tốt nghiệp	4		8 tuần		
5	DLUC502	Khóa luận tốt nghiệp <i>(SV không làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp thì chọn học các học phần chuyên môn tự chọn còn lại sao cho có tổng số tín chỉ không nhỏ hơn 5)</i>	5		5 tuần		